

Bản án số: 01/2019/LĐ-PT  
Ngày: 28/3/2019  
V/v: “*Tranh chấp đơn phương  
chấm dứt về bảo hiểm*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Hà

*Các Thẩm Phán:* Ông Lê Văn Quý  
Bà Vũ Thị Thu

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà  
Đỗ Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên  
tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2019/TLPT-LĐ ngày  
14/01/2019 về việc “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất  
nghiệp, trợ cấp thất nghiệp*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 13/2018/LĐST ngày 13/9/2018 của Tòa án  
nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐ-PT ngày 07/3/2019 và  
quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐ-PT ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn: Công ty TNHH T.**

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Tuấn A, sinh năm 1968 – chức vụ: Giám đốc  
Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Văn N, sinh năm 1980.

Văn bản ủy quyền số 10/2017/GUQ/TTB ngày 11/10/2017.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố B.**

Địa chỉ: phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn D – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1976.

(Ông M, ông N có mặt, Bảo hiểm xã hội thành phố B có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo án sơ thẩm,**

**Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Ông vào làm việc tại Công ty TNHH T từ tháng 7/2012 nhưng đến ngày 01/02/2015 công ty mới ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 52/HĐLĐ, công việc là Nhân viên kỹ thuật, mức lương là 3.317.000đồng/tháng. Do hoàn cảnh gia đình nên ông M xin nghỉ việc. Ngày 10/3/2017, Công ty TNHH T ra Quyết định số 01/2017/QĐ-GĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông nhưng đến ngày 24/4/2017 Công ty mới chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông. Sau khi nhận sổ bảo hiểm xã hội ông phát hiện Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho ông còn thiếu nên ông không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả tiền đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2012 đến hết tháng 7/2014 là 23 tháng với số tiền  $4.013.000\text{đồng} \times 32,5\% \times 23 \text{ tháng} = 29.997.175\text{đ}$  và tiền Bảo hiểm thất nghiệp là  $4.013.000\text{đồng} \times 60\% \times 6 \text{ tháng} = 14.447.000\text{đ}$ , tổng cộng là 44.444.000đ và ông yêu cầu được nhận tiền mặt.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Văn M trình bày mức bảo hiểm ông yêu cầu 32,5% là bao gồm cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đối với yêu cầu tiền Bảo hiểm thất nghiệp là  $4.013.000\text{đồng} \times 60\% \times 6 \text{ tháng} = 14.447.000\text{đ}$  là số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định khi ông nghỉ việc.

Ngoài yêu cầu trên ông không có yêu cầu nào khác và cũng không trình bày gì thêm.

**- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH T do ông Hoàng Văn N đại diện trình bày:**

Ông Nguyễn Văn M vào làm việc tại Công ty TNHH T từ tháng 7/2012, thời gian thử việc là 02 tháng, công việc là Nhân viên kỹ thuật. Vì sơ sót trong quá trình quản lý thông tin của người lao động nên Công ty đóng Bảo hiểm xã hội cho ông M bị thiếu khoản thời gian từ tháng 9/2012 đến hết tháng 7/2014. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Công ty, ông M không có ý kiến gì về việc thiếu sót trên. Tháng 3/2017, ông M nộp đơn xin nghỉ việc và được Công ty giải quyết cho thôi việc, thời gian nghỉ chính thức từ ngày 10/3/2017. Công ty đã chốt sổ Bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ chính sách cho ông M.

Nay Ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả tiền đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2012 đến hết tháng 7/2014 là 23 tháng với số tiền  $4.013.000\text{đồng} \times 32,5\% \times 23 \text{ tháng} = 29.997.175\text{đ}$  và tiền Bảo hiểm thất nghiệp là  $4.013.000\text{đồng} \times 60\% \times 6 \text{ tháng} = 14.447.000\text{đ}$ , tổng cộng là 44.444.000đ thì Công ty không đồng ý. Vì yêu cầu của ông M không hợp lý và mức lương 4.013.000đồng/tháng mà ông M tính là mức lương mới áp dụng từ tháng 01/2017, không phải là mức lương tại thời điểm Công ty trả cho ông M từ tháng 9/2012 đến tháng 12/2015. Công ty chỉ đồng ý đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho Ông Nguyễn Văn M theo quy định từ tháng 9/2012 đến hết tháng 7/2014.

Ngoài ra Công ty không có yêu cầu nào khác và cũng không trình bày gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B do ông Nguyễn Việt D đại diện trình bày:**

Từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2014, Công ty TNHH T chưa đóng các khoản Bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho Ông Nguyễn Văn M. Đề nghị, công ty và người lao động phải đóng các khoản Bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Chi tiết đóng như sau từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013 người sử dụng lao động đóng 17% bảo hiểm xã hội, 3% bảo hiểm y tế và 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương và người lao động phải đóng 7% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế và 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương. Từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2014 người sử dụng lao động đóng 18% bảo hiểm xã hội, 3% bảo hiểm y tế và 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương; người lao động phải đóng 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế và 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương. Bảng thanh toán tiền lương của công ty chi trả cho ông M là căn cứ để xác định số tiền cụ thể. Việc người lao động đề nghị nhận tiền trực tiếp là không phù hợp với quy định pháp luật.

Tại Bản án lao động số 13/2018/LĐ-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa đã tuyên xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 13, 15 Luật bảo hiểm y tế năm 2014; Điều 44, Điều 50, Điều 57 Luật việc làm năm 2013; Nghị định 28/NĐ-CP ngày 12/3/2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp” đối với Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm xã hội cho Ông Nguyễn Văn M từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 7 năm 2014 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, cụ thể từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 với tỉ lệ 17% , mức lương là 2.140.000đ/tháng; từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013 với tỉ lệ 17% , mức lương là 2.515.000đ/tháng; từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 7 năm 2014 với tỉ lệ 18%, mức lương là 2.889.000đ/tháng.

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ông Nguyễn Văn M số tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ 09 năm 2012 đến tháng 07 năm 2014 là 13.405.140đ (Mười ba triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T không thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông M không phải chịu án phí Lao động sơ thẩm phần không chấp nhận. Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ và phần án phí có giá ngạch là 402.154đ.

Ngày 22/9/2018 bị đơn Công ty TNHH T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T:

Công ty TNHH T thừa nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông M và công ty không trích tiền lương của ông M để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với phần nghĩa vụ đóng của ông M trong khoảng thời gian từ tháng 9/2012 đến hết tháng 7/2014 (BL147). Do đó theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật việc làm thì mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau: Từ tháng 9/2012 đến tháng 12/2013 thì người sử dụng lao động phải đóng 17% bảo hiểm xã hội, 3% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương; người lao động phải đóng 7% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương. Và từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2014 thì người sử dụng lao động đóng 18% bảo hiểm xã hội, 3% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp; Người lao động phải đóng 8% bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương.

Do đó, Công ty TNHH T với nghĩa vụ của người sử dụng lao động đã đóng thiếu bảo hiểm xã hội cho ông M là vi phạm khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật Lao động. Vì vậy, việc Tòa án sơ thẩm buộc Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm xã hội cho Ông Nguyễn Văn M từ tháng 09/2012 đến tháng 7 năm 2014 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, cụ thể từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 với tỉ lệ 17% , mức lương là 2.140.000đ/tháng; từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013 với tỉ lệ 17% , mức lương là 2.515.000đ/tháng; từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 7 năm 2014 với tỉ lệ 18%, mức lương là 2.889.000đ/tháng là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với bảo hiểm y tế, theo quy định của Luật bảo hiểm y tế thì người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1,5% bảo hiểm y tế nhưng do Công ty không

thực hiện đóng bảo hiểm y tế cho ông M, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động trong việc khám, chữa bệnh. Tuy nhiên, do Công ty TNHH T không trích lương của ông M để đóng bảo hiểm y tế phần nghĩa vụ của ông M nên công ty chỉ chịu phần nghĩa vụ của người sử dụng lao động nên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn Công ty TNHH T tự nguyện thanh toán số tiền bảo hiểm y tế cho ông M như sau: Từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2012 là  $2.140.000đ \times 4 \text{ tháng} \times 3\% = 256.800đ$ ; từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013 là  $2.515.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 3\% = 905.400đ$ ; từ tháng 1/2014 đến tháng 7/2014 là  $2.889.000đ \times 7 \text{ tháng} \times 3\% = 606.690đ$ , tổng số tiền bảo hiểm y tế là 1.768.890đ.

Đối với tiền bảo hiểm thất nghiệp, theo quy định của Luật việc làm thì người sử dụng lao động đóng 1% và người lao động đóng 1% trên mức lương hàng tháng. Công ty không trích lương của ông M để đóng bảo hiểm thất nghiệp phần nghĩa vụ của người lao động từ tháng 9/2012 đến tháng 7/2014. Như vậy, nghĩa vụ của công ty là phải đóng 1% bảo hiểm thất nghiệp trên mức lương hàng tháng từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2014 cho ông M. Sau khi ông M nghỉ việc vào ngày 10/3/2017 theo quyết định số 01/017/QĐ-GĐ ông M không đi làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp được vì công ty chưa đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông. Theo quy định tại Điều 17, khoản 6 Điều 18 nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ thì trong vòng 03 tháng kể từ ngày ông M nghỉ việc mà ông không nộp hồ sơ xin hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp thì sẽ không được xem xét giải quyết chế độ này. Do lỗi của Công ty TNHH T đã không đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho ông M nên ông M không được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông M đã đi làm từ đầu năm 2018 và có tham gia bảo hiểm xã hội, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông M cũng thay đổi yêu cầu đề nghị Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông theo nghĩa vụ của người sử dụng lao động để cộng dồn và ông được bảo lưu chế độ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, và Công ty TNHH T cũng đồng ý bị đơn sẽ đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông M từ tháng 9/2012 cho đến tháng 7/2014. Như vậy, ông M cũng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với tỷ lệ và mức lương của ông từ tháng 9/2012 đến tháng 7/2014, tuy nhiên do ông M khởi kiện nên Tòa án chỉ tuyên buộc trách nhiệm của bị đơn Công ty TNHH T.

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T, bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho Ông Nguyễn Văn M từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 7 năm 2014 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, cụ thể từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 với tỉ lệ 17%, mức lương là 2.140.000đ/tháng; từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013 với tỉ lệ 17%, mức lương là 2.515.000đ/tháng; từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 7 năm 2014 với tỉ lệ 18%, mức lương là 2.889.000đ/tháng; và bị đơn Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông M theo tỷ lệ 1% với các mức lương tương ứng thời gian trên, đồng thời ông M cũng đóng theo tỷ lệ 1% với các mức lương tương ứng thời gian trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T thanh toán cho Ông Nguyễn Văn M số tiền bảo hiểm y tế 1.768.490đ (Một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi đồng).

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận việc bị đơn thanh toán tiền BHYT cho ông M với số tiền 1.768.490đ, buộc Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho Ông Nguyễn Văn M từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2014 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ và không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 13, 15 Luật bảo hiểm y tế năm 2014; Điều 44, Điều 50, Điều 57 Luật việc làm năm 2013; Nghị định 28/NĐ-CP ngày 12/3/2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp” đối với Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm xã hội cho Ông Nguyễn Văn M tại Bảo hiểm xã hội TP. B từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 7 năm 2014 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, cụ thể từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 với tỉ lệ 17%, mức lương là 2.140.000đ/tháng; từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013 với tỉ lệ 17% , mức lương là 2.515.000đ/tháng; từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 7 năm 2014 với tỉ lệ 18%, mức lương là 2.889.000đ/tháng, Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 07 năm 2014 theo tỷ lệ 1% với các mức lương tương ứng thời gian trên.

Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Ông Nguyễn Văn M số tiền bảo hiểm y tế là 1.768.490đ(Một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T không thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Ông M không phải chịu án phí Lao động sơ thẩm. Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH T không phải chịu án phí lao động phúc thẩm không có giá ngạch là 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn đã nộp theo biên lai thu số 009384 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B được khấu trừ vào án phí lao động sơ thẩm. Như vậy, Công ty TNHH T đã nộp xong án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Quý**

**Vũ Thị Thu**

**Trần Thị Thanh Hà**

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh, huyện (02);
- TAND huyện (01);
- THADS huyện (01);
- Đương sự (03);
- Lưu (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Hà**